

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hạnh

Nghề nghiệp: Nguyên là Giáo viên

Nơi công tác: Phòng Văn hóa - Thông tin huyện M;

2. Ông Nguyễn Trung Kiên

Nghề nghiệp: Nguyên là Phó bí thư huyện đoàn huyện M

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thuật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Đ, sinh năm 1992, tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp C1, xã L, M, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông T (chết) và bà T; Bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 21/9/2018, đến ngày 27/9/2018 tạm giam cho đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Em N, sinh năm 2005 (Vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông V, sinh năm: 1983. Cùng trú tại: Ấp P2, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu. Là cha của em N (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà H, Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 20 giờ ngày 20 tháng 9 năm 2018, Đ đang ngồi nhậu cùng với nhóm bạn của mình tại khu vực ấp C1, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu thì thấy N đi ngang nên Đ rủ N vào nhậu. Mặc dù không quen biết gì với Đ nhưng Võ N vẫn đồng ý vào ngồi chung với Đ nhưng không có nhậu. Sau khi trò chuyện làm quen, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Đ và N cùng đến thuê phòng số 03 của nhà trọ

Y thuộc ấp C1, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu để ngủ qua đêm. Tại đây, được sự đồng ý của N, Đ đã 03 (ba) lần thực hiện hành vi giao cấu với N. Đến khoảng 12 giờ, ngày 21 tháng 9 năm 2018, N cùng gia đình đến Công an xã L, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu để trình báo sự việc Đ có hành vi giao cấu với N.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 24/TD ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Trung pháp y tỉnh Bạc Liêu kết luận N như sau: Màng trinh rách cũ ở vị trí 06 giờ, tại thời điểm giám định chưa phát hiện có thai.

Tại bản kết luận giám định số 3979/C09B ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau: Phân tích gen (ADN) theo hệ Identifiler trên 20 (hai mươi) sợi tóc ghi thu tại hiện trường được 01 kiểu gen (ADN) lần, trong đó có kiểu gen (ADN) của bị hại N; Phân tích gen (ADN) theo hệ Identifiler trên 15 (mười lăm) sợi lông ghi thu tại hiện trường và trên mẫu dịch âm đạo ghi thu của bị hại N đều được 01 kiểu gen (ADN) nam giới hoàn chỉnh, trùng với kiểu gen (ADN) của đối tượng Đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 4198/C09B ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận N như sau: Xác định thời điểm giám định (tháng 10 năm 2018) N có độ tuổi từ 14 năm đến 14 năm 06 tháng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1187/C09B ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận Đ như sau: Xác định tại thời điểm giám định (tháng 01 năm 2019) Đ có thể chất và hệ răng, xương đã hoàn thiện như người trưởng thành, có độ tuổi từ trên 19 năm. Như vậy, tính đến thời điểm Đ thực hiện hành vi giao cấu với N vào các ngày 20 và ngày 21 tháng 9 năm 2018 thì Đ là người đủ 18 tuổi trở lên, còn N là người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố bị cáo Đ về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đ từ 03 năm đến 03 năm sáu tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Đ bồi thường thiệt hại cho bị hại từ 08 tháng đến 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định bằng 1.390.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị hại hoặc đại diện cho bị hại: 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc (của Võ Hồng Nhung) và 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc (của Đ) được niêm phong theo quy định pháp luật; Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái áo sơ mi vải dài tay màu trắng, đen, loại áo sơ mi nút gài, phía bên trong cổ áo có dòng chữ PHODO màu đỏ và 01 (một) cái quần Jean màu đen đốm trắng, hai ống quần dài, phía sau lưng quần có dòng chữ PLENSPORT bằng kim loại (của Đ) được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc Thanh và Luật sư Trịnh Thanh Nhân; 01 (một) bộ quần

áo của bị hại N được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc Thanh, N, V, Lê Ngọc Quý.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp cho bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát; đồng thời, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo Đ bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Lợi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đ thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tình tiết khác của vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có quen biết nhau và được sự đồng ý của N, tại phòng trọ số 03 của nhà trọ Y thuộc ấp C1, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu vào khoảng 21 giờ ngày 20 tháng 9 năm 2018 đến khoảng 07 giờ ngày 21 tháng 9 năm 2018, Đ là người trên 18 tuổi đã 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với N. Như vậy, tính đến thời điểm Đ thực hiện hành vi giao cấu với N vào các ngày 20 và ngày 21 tháng 9 năm 2018 thì N được 13 tuổi 11 tháng 10 ngày đến 13 tuổi 11 tháng 11 ngày, là người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Đ đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”, với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm thỏa mãn sinh lý bản thân.

[4] Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Đ phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”, với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), như Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 27 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, gây tác hại đến sự phát triển đạo đức, nhân cách của trẻ em, ảnh hưởng đến danh dự, phẩm giá của bị hại. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Đ phải bị xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội

một thời gian mới đủ răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình, cần xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động người thân tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đ, xử bị cáo ở mức thấp nhất, khởi điểm của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại N là ông V yêu cầu bị cáo Đ bồi thường thiệt hại cho N theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh của bị cáo Đ cũng rất khó khăn, cha chết, mẹ có chồng khác và không còn ở địa phương, bị cáo phải ở nhờ nhà người chị bà con. Do vậy, cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại với số tiền 9.730.000 đồng tương đương 07 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định. Bị cáo Đ đã nộp 2.000.000 đồng khắc phục hậu quả (đại diện hợp pháp của bị hại N là ông V đã nhận đủ số tiền 2.000.0000 đồng) nên bị cáo Đ còn phải nộp tiếp số tiền 7.730.000 đồng.

Ông V là người đại diện hợp pháp của bị hại N được quyền nhận số tiền 7.730.000 đồng do bị cáo Đ bồi thường.

[7] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bạc Liêu đã thu giữ các đồ vật gồm: 01 (một) cái áo sơ mi vải dài tay màu trắng, đen, loại áo sơ mi nút gài, phía bên trong cổ áo có dòng chữ PHODO màu đỏ và 01 (một) cái quần Jean màu đen đốm trắng, hai ống quần dài, phía sau lưng quần có dòng chữ PLENSPORT bằng kim loại của Đ; 01 (một) bộ quần áo của bị hại N; Xét các tài sản trên có giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu còn thu giữ: 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc (của N) và 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc (của Đ). Tại phiên Tòa, Đ xác định chiếc nhẫn này Đ được bị hại N tặng vào đêm 20 tháng 9 năm 2019, bị cáo Đ đồng ý trả lại chiếc nhẫn này cho N; Xét hai chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc nêu trên của bị hại N, cần giao trả lại cho chủ sở hữu.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 386.500 đồng (ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đ 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2018.

3. Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho bị hại N số tiền 9.730.000 đồng (chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Bị cáo Đ đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) khắc phục hậu quả (đại diện hợp pháp của bị hại N là ông V đã nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng) nên bị cáo Đ còn phải nộp tiếp số tiền 7.730.000 đồng (bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Ông V là người đại diện hợp pháp của bị hại N được quyền nhận số tiền 7.730.000 đồng (bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) do bị cáo Nguyễn Văn Đô bồi thường.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái áo sơ mi vải dài tay màu trắng, đen, loại áo sơ mi nút gài, phía bên trong cổ áo có dòng chữ PHODO màu đỏ và 01 (một) cái quần Jean màu đen đốm trắng, hai ống quần dài, phía sau lưng quần có dòng chữ PLENSPORT bằng kim loại (của Đ) được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc Thanh và Luật sư Trịnh Thanh Nhân; 01 (một) bộ quần áo của bị hại N được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc Thanh, N, V, Lê Ngọc Quý.

Trả lại cho bị hại N: 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc (của N) được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc Thanh, N và Lê Ngọc Quý; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc (của Đ) được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc Thanh và Luật sư Trịnh Thanh Nhân.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 3 năm 2019).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 386500 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Sở tư pháp Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- CQCSĐT – CA huyện M;
- THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Người bị hại; ĐDHP của người bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi